

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THÀNH PHỐ CÀ MAU Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH CÀ MAU

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST

Ngày 29- 3 - 2024

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Anh Minh  
Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Như – Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 665/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Kim T; Sinh năm: 1997. Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Hứa Thanh T1, Sinh năm: 1987. Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Đỗ Kim T trình bày tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- Về hôn nhân: Chị và anh Hứa Thanh T1 tự nguyện chung sống vào năm 2021, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Bình, thành phố Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 27/2021. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã với nhau, anh T1 có hành vi đánh cha chị, mấy tháng gần đây anh T1 không hỗ trợ chị chi phí nuôi con. Chị xác định nguyên nhân chính chị xin ly hôn là do anh T1 đánh cha chị, chị không tha thứ, không hàn gắn được, chị đã về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 6/2023 đến nay. Chị yêu cầu được ly hôn với anh T1.

- Về con chung: Chị và anh T1 có 02 người con chung tên Hứa Đỗ Thiên L, sinh ngày 12/11/2022 và Hứa Đỗ Thiên Ph, sinh 31/8/2023, hiện nay đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai người con chung, yêu

cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000 đồng/tháng, cháu Ph 1.500.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Chị xác định có vàng cưới bên chồng cho 6,5 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k; vợ chồng mua được 02 chỉ vàng 24k, chị xác định chị đã bán sử dụng chi phí nuôi các con hết, hiện không còn, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Chị xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

*Anh Hứa Thanh T1 trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và bổ sung tại phiên tòa như sau:*

- Về hôn nhân: Về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn đúng như chị T trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nhưng không trầm trọng đến mức phải ly hôn. Anh thừa nhận anh có đánh cha chị Thuý khi anh say rượu và vợ chồng cãi vã với nhau nhưng anh đã xin lỗi tại Cơ quan Công an, anh có yêu cầu đoàn tụ. Trường hợp chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, thì anh đồng ý.

- Về con chung: Anh và chị Thuý có 02 người con chung là Hứa Đỗ Thiên L, sinh ngày 12/11/2022 và Hứa Đỗ Thiên Ph, sinh 31/8 2023, các con đang sống cùng với chị Thuý. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu L, giáo cháu Ph cho chị T nuôi dưỡng, không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng. Trường hợp giao cả hai người con cho chị T nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị T.

- Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 chỉ vàng 24k, chị T quản lý, hiện vẫn còn, anh yêu cầu chia đôi, mỗi người được nhận 01 chỉ vàng 24k.

- Về tài sản riêng: Anh xác định có 06 chỉ vàng 24k và 5,5 chỉ vàng 18k khi cưới bên gia đình anh cho, anh xác định là tài sản riêng của anh, hiện nay chị T quản lý toàn bộ số vàng trên và vẫn còn, anh yêu cầu chị T trả cho anh. Trường hợp chị T nuôi cả hai người con thì anh đồng ý giao số vàng này cho chị T để nuôi con, còn nếu anh được nuôi con thì anh yêu cầu chị T trả lại để anh sử dụng vào việc nuôi con.

- Về nợ chung: Anh xác định không nợ ai, không ai nợ anh, chị.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

[2] Hôn nhân: Nguyên đơn chị Đỗ Kim T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Hứa Thanh T1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, chị T và anh T1 chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên hôn nhân của anh, chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã với nhau, anh T1 có hành vi đánh cha chị. Anh T1 cho rằng Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn. Anh T1 thừa nhận anh có đánh cha chị Thuý và vợ chồng cãi vã nhau nhưng anh đã xin lỗi tại Cơ quan Công an, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, thì anh đồng ý. Xét thấy, chị T và anh T1 xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, tiếp tục chung sống

sẽ không hạnh phúc. Tại phiên tòa, chị T kiên quyết yêu cầu ly hôn, anh T1 đồng ý. Do đó, chấp nhận yêu cầu của chị T về việc ly hôn với anh T1 là có căn cứ.

[3] Con chung: Chị Thuý và anh T1 có 02 người con chung là Hứa Đỗ Thiên L, sinh ngày 12/11/2022 và Hứa Đỗ Thiên Ph, sinh 31/8/2023, đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu nuôi cả hai người con chung; Anh T1 yêu cầu nuôi cháu L, giao chị T nuôi cháu Ph. Xét thấy, hiện nay hai con chung đang sống ổn định cùng chị T và đều còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên cần sự chăm sóc, giáo dục của người mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu L 1.000.000đồng/tháng, cháu Ph 1.500.000 đồng/tháng. Quá trình giải quyết vụ án anh T1 cũng đồng ý. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh T1 không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng theo chị T yêu cầu là phù hợp với nhu cầu thiết yếu của các con chung, nên được chấp nhận.

[4] Tài sản chung: Chị T xác định có tài sản chung gồm 8,5 chỉ vàng 24 và 05 chỉ vàng 18k, chị T xác định không còn, nên không yêu cầu chia; còn anh T1 xác định tài sản chung có 02 chỉ vàng 24k, chị T quản lý, yêu cầu chia đôi và tài sản riêng có 06 chỉ vàng 24k và 5,5 chỉ vàng 18k, chị T đang quản lý, nên yêu cầu chị T trả lại. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án anh T1 xác định không yêu cầu giải quyết về tài sản và đến nay cũng không có đơn yêu cầu phân chia, đòi tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[5] Nợ chung: Chị T và anh T1 xác định anh, chị không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật, anh T1 phải chịu án cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 33, 43, 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Kim T về việc yêu cầu ly hôn với anh Hứa Thanh T1.

Con chung: Giao Hứa Đỗ Thiên L, sinh ngày 12/11/2022 và Hứa Đỗ Thiên Ph, sinh 31/8/2023 cho chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc anh T1 cấp dưỡng nuôi cháu Lộc 1.000.000 đồng/tháng, cháu Phát 1.500.000 đồng/tháng, định kỳ cấp dưỡng hàng tháng,

thời gian bắt đầu cấp dưỡng kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu L và cháu Ph đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Đỗ Kim T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Hứa Thanh T1 không thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng, thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị Đỗ Kim T phải nộp 300.000 đồng. Ngày 20/11/2023, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0007639, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Án phí cấp dưỡng, anh T1 phải nộp 300.000 đồng (chưa nộp), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhân:**

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND xã Định Bình, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngọc Hân**